

43. Biểu chứng nào sau đây thường gặp ở trẻ viêm mũi?

- ☒ A. Tắc mũi gây khó thở ở trẻ dưới 3 tháng tuổi.
- B. Áp xe quanh amidan
- C. Áp xe thành sau họng
- D. Viêm cầu thận cấp hậu nhiễm trùng
- E. Thấp khớp cấp

44. Bệnh nhân nam 9 tháng tuổi đến khám vì khó thở ngày 2. Mẹ nói cháu sốt nhẹ, vẫn chơi và ăn uống bình thường. Khám thấy: tỉnh, môi hồng, khóc khan giọng, khi khóc có kèm tiếng thở rít và mũi đi khi trẻ nằm yên, không có lờm ngực, tần số thở 40 lần/phút, tim đều rõ, phổi tho không rales. Chẩn đoán phù hợp nhất là:

- ☒ A. Viêm thanh khí quản cấp, khó thở thành quán I A
- B. Viêm thanh khí quản cấp mức độ nhẹ
- C. Viêm thanh khí quản cấp, khó thở thành quán II A
- D. Viêm thanh thiệt cấp mức độ trung bình
- E. Viêm thanh thiệt cấp mức độ nhẹ

45. Sốt cao kèm đau tai dữ dội gọi ý viêm tai giữa cấp do tác nhân nào sau đây?

- ☒ A. Streptococcus pneumoniae
- B. Hemophilus influenzae
- C. Moraxella catarrhalis
- D. Alloiococcus otitidis
- E. Turicella otitidis

46. Viêm kết mạc mắt xuất hiện trước viêm tai giữa cấp gọi ý tác nhân nào sau đây?

- ☒ A. Streptococcus pneumoniae
- B. Hemophilus influenzae
- C. Moraxella catarrhalis
- D. Staphylococcus aureus
- E. Pseudomonas aeruginosa

47. Xương nào sau đây thông ra lỗ giữa của cuống mũi?

- ☒ A. Hàm, sàng trước và trán
- B. Hàm, trán và bướm
- C. Sàng trước, sàng sau và trán
- D. Sàng trước, sàng sau và bướm
- E. Hàm, trán và sàng sau

48. Henoch-Scholein:

- A. Là tình trạng viêm mạch máu thường gặp nhất ở người lớn.
- ☒ B. Bệnh thường gặp ở trẻ em, chiếm khoảng 90%
- C. Trẻ em da đen thường bị bệnh nhiều hơn trẻ da trắng và châu Á.
- D. Chủ yếu liên quan đến yếu tố gia đình.
- E. Liên quan đến HLA B4 và DR35.

49. Tổn thương khớp trong Henoch-Scholein:

- A. Xảy ra trong 90% trường hợp.
- B. Xảy ra chủ yếu ở khớp lớn của chi trên.
- C. Ảnh hưởng đến nhiều khớp.
- ☒ D. Có thể biến hiện sưng, nóng, đỏ, đau khớp.
- E. Viêm khớp có thể để lại di chứng.

50. Biểu hiện nào sau đây thường gặp nhất trong tổn thương thận do Henoch-Scholein:

- A. Hội chứng thận hư.
- B. Hội chứng viêm cầu thận.
- C. Tiểu máu đại thể.
- ☒ D. Tiểu máu vi thể.
- E. Tiểu đạm đơn độc, kéo dài.

51. Chẩn đoán Henoch-Scholein:

- A. Cần phải sinh thiết da để chẩn đoán xác định
- B. Tiểu chuẩn vàng để là tăng IgA trong máu

- C. Sinh thiết thận là bất buộc nếu có tổn thương thận
- D. Chẩn đoán dựa vào siêu âm bụng để chẩn đoán tổn thương tiểu hòa.
- ☒ E. Chẩn đoán dựa vào lâm sàng có tổn thương da, khớp, tiêu hóa và thận.

Tính hướng lâm sàng cho câu 52 - 54:

Bé gái, 4 tuổi, nhập viện vì tiểu ít nhất, tiểu rần và khỏe khi đi tiểu. Khám: tỉnh, nhiệt độ 40°C , mạch 120/lph, huyết áp 9/6 cmHg. Tim đều, phổi trong, bụng mềm, gan lách không to, không điểm đau khu trú. Tiền căn: bị nhiễm trùng tiểu 1 lần lúc 12 tháng.

52. Chẩn đoán nghi nhiều nhất trên bị nhân này là:

- A. Nhiễm trùng huyết
- ☒ B. Nhiễm trùng tiểu dưới
- C. Nhiễm trùng tiểu trên
- D. Băng quang thận kinh
- E. Viêm âm hộ

53. Xét nghiệm cận lâm sàng nào cần làm trên bệnh nhân này, NGOẠI TRỪ:

- A. Công thức máu, CRP
- B. Tổng phân tích nước tiểu
- C. Cây nước tiểu
- ☒ D. Chụp X-quang hệ niệu không sửa soạn
- E. Siêu âm bụng

54. Kết quả xét nghiệm ban đầu: BC $18.000/\text{mm}^3$, Hb $11,5 \text{ g/dl}$, Tiểu cầu $400.000/\text{mm}^3$, CRP 106 mg/dl , TPTNT: BC $2+$, nitric $(-)$, protein $(-)$, blood $(+)$. Cây nước tiểu: âm tính. Chẩn đoán nào sau đây là hợp lý nhất:

- A. Viêm niệu đạo cấp
- B. Viêm bàng quang cấp
- ☒ C. Viêm đài bể thận cấp
- D. Viêm cầu thận cấp
- E. Tất cả đều sai

55. Một phụ nữ vừa biết mình mang thai và rất lo lắng cho thai nhi. Sản phụ đến gặp bạn để xin lời khuyên về việc phát hiện và phòng ngừa các bệnh lý cho con của mình trước và sau sinh. Trong số những lời khuyên sau, hãy CHỌN CÂU SAI:

- A. Chích ngừa uốn ván
- B. Khám thai định kỳ
- C. Sinh tại các cơ sở y tế
- ☒ D. Vắt bỏ sữa non
- E. Hướng dẫn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ

56. Trong thời kỳ niên thiếu, hãy CHỌN CÂU ĐÚNG:

- A. Trẻ tiếp thu nhanh mọi kiến thức, biết suy nghĩ và phán đoán, chưa có sự phân biệt rõ về giới tính
- B. Tổ chức amidan hầu như không phát triển nên trẻ ít khi bị viêm amidan
- C. Hay bắt chước, thường nghe lời cha mẹ hơn bạn bè
- D. Ít chịu áp lực về học tập, tâm lý thường ổn định và cân bằng
- ☒ E. Dễ mắc các bệnh về da, tật khúc xạ mắt, vẹo cột sống

57. Nguyên tắc nào sau đây KHÔNG nằm trong bốn nguyên tắc dùng thuốc giảm đau thông thường ở trẻ em:

- ☒ A. Theo thời điểm xuất hiện đau
- B. Theo bậc thang
- C. Theo giờ
- D. Theo từng trẻ
- E. Theo đường miệng

58. Linh, 2 tuổi, được theo dõi viêm màng não và chọc dò dịch não tủy để giúp chẩn đoán. Một ngày sau chọc dò dịch não tủy, mẹ Linh báo với bạn rằng bé đau lưng đêm qua đủ vẫn ngủ được. Quan sát trẻ bạn nhận thấy bé thỉnh thoảng nhăn mặt, nằm ở tư thế không thoải mái, bé vẫn vận động bình thường khi cần, không khóc, dịu bớt khi được mẹ an ủi và trò chuyện. Bé có điểm số đau là:

- A. 2 điểm
- ☒ B. 3 điểm
- C. 4 điểm
- D. 5 điểm
- E. 6 điểm

59. Dịch tế học hội chứng Guillain-Barre mang đặc điểm.

- A. Trẻ em có nguy cơ mắc cao hơn người lớn
- B. Thường gặp ở lứa tuổi sơ sinh
- ☒ C. Thường xảy ra quanh năm
- D. Tỷ lệ mắc khác biệt rõ rệt giữa các chủng tộc
- E. Tỷ lệ mắc khác biệt rõ rệt giữa các vùng khí hậu trên thế giới

60. Trong giai đoạn phát triển thai, điều nào sau đây ĐÚNG:

- A. Nặng thai hình thành từ tháng thứ 5 giúp mẹ cung cấp trực tiếp năng lượng, oxy, các chất cần thiết cho trẻ phát triển
- B. Trẻ tăng trung bình 300g trong quý II, tăng mỗi tuần 200g trong quý III.
- C. Trẻ phát triển các vị giác, khứu giác nhưng chưa phát triển xúc giác.
- ☒ D. Hành vi của thai bị ảnh hưởng bởi dinh dưỡng, thuốc mẹ sử dụng.
- E. Các dị tật bẩm sinh trong giai đoạn phôi đa phần có thể chính xác trong giai đoạn thai

61. Những xét nghiệm cận lâm sàng quan trọng nhất trong chẩn đoán hội chứng Guillain-Barre là:

- A. Chọc dò dịch não tủy và MRI tủy ngực-thắt lưng
 - B. MRI tủy ngực-thắt lưng và điện sinh lý
 - C. MRI não và MRI tủy ngực-thắt lưng
 - D. MRI não và điện sinh lý
 - ☒ E. Chọc dò dịch não tủy và điện sinh lý
62. Yếu tố nào sau đây không phải là chống chỉ định của chủng ngừa:

- A. Các bệnh cấp tính nặng cần nhập viện.
- ☒ B. Suy dinh dưỡng.
- C. Ung thư.

D. Suy giảm miễn dịch.

E. Đã dùng corticoide với liều cao trên 2 tuần.

63. Lứa tuổi thường kiểm tra sẹo BCG để đánh giá hiệu quả sau chủng ngừa lao là

- A. 1 tháng
- B. 2 tháng
- C. 4 tháng
- ☒ D. 6 tháng
- E. 8 tháng

64. Chọn câu ĐÚNG về tình huống chủng ngừa cho trẻ sơ sinh khi mẹ có HbsAg (+):

- A. Không cần chủng ngừa vì đã có kháng thể từ mẹ cho.
- B. Chủng ngừa viêm gan siêu vi B trong vòng 12 giờ sau sinh.
- C. Chích HBIG (Hepatitis B immune globuline) trong vòng 12 giờ sau sinh và chích HBIG (Hepatitis B immune globuline) cùng thời điểm ở 2 vị trí khác nhau.
- ☒ D. Chủng ngừa viêm gan siêu vi B trong vòng 12 giờ sau sinh.
- E. Trẻ nên làm xét nghiệm HbsAg và antiHBs sau liều thứ 1 từ 1-2 tháng.

65. Một bà mẹ bé trẻ 12 tháng tuổi đến khám để chủng ngừa. Bé đã được chủng ngừa lao lúc mới sinh; VGSVB - Hib- bạch hầu- ho gà - uốn ván- bại liệt 3 lần vào lúc 2,4 và 6 tháng tuổi; sởi lúc 9 tháng. Loại vaccine tiêm cho trẻ hôm nay:

- A. Typhim
- B. MMR
- ☒ C. Varivax
- D. Pneumo 23
- E. Quinvaxem

66. Động tác nào sau đây là chính xác nhất sau khi chích vaccin và rút bơm tiêm

- A. Dùng bông khô sạch thấm còn ấn vào vị trí tiêm.
- B. Dùng ngón tay ấn vào vị trí tiêm.

67. Trẻ em cần nhiều nước hơn người lớn vì, CHỌN CẦU SAI:

- A. Nhu cầu chuyển hóa cao
- B. Trẻ ăn nhiều
- C. Sự cô đặc của thận kém
- D. Sự tăng trưởng nhanh
- ☒ E. Diện tích da hẹp hơn

68. Chỉ định sử dụng Vitamin A liên tục công, chọn câu sai:

- A. Biểu hiện ở mắt từ mức độ nhẹ đến nặng
- B. Suy dinh dưỡng thể nặng
- C. Nhiễm trùng tái phát ở hệ hô hấp tiêu hóa, tiết niệu
- ☒ D. Nhiễm trùng tái phát ở hệ tim mạch
- E. Sau các bệnh nhiễm trùng làm suy giảm miễn dịch

69. Triệu chứng lâm sàng liên quan đến hạ calci máu ở thể còi xương bào thai, CHỌN CẦU SAI:

- A. Khóc dạ đề
- B. Nấc cụt
- C. Ốc sên
- D. Tiêu và tiểu són nhiều lần
- ☒ E. Bỏ bú

70. Điều kiện thuận lợi thiếu vitamin D, CHỌN CẦU SAI:

- A. Trẻ càng nhỏ càng dễ mắc bệnh còi xương
- B. Trẻ sinh đôi, sinh ba
- ☒ C. Trẻ da màu ít có nguy cơ còi xương hơn da trắng
- D. Có thể do di truyền rối loạn chuyển hóa vitamin D
- E. Trẻ sinh non

HẾT

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NHI - Y4

Ngày thi: 11/03/2017

Số câu: 70 câu Thời gian: 60 phút

ĐỀ 502

1. Một bé gái 4 tuổi có chiều cao 1,3 SD, BMI 2,5 SD. Phân loại dinh dưỡng của bé nên nghĩ đến:

- A. Nguy cơ thừa cân do nguyên nhân nguyên phát
- B. Nguy cơ thừa cân do nguyên nhân thứ phát
- ☒ C. Thừa cân do nguyên nhân nguyên phát
- D. Thừa cân do nguyên nhân thứ phát
- E. Béo phì do nguyên nhân nguyên phát

2. Bệnh nhân béo phì có thể có các triệu chứng sau đây, NGOẠI TRỪ:

- ☒ A. Cao hơn bạn cùng lớp
- ☒ B. Có kinh trễ hơn
- C. Ngưng thở khi ngủ
- D. Chân cong
- E. Kinh nguyệt không đều.

3. Thực hành nào sau đây **KHÔNG** phải là hoàn toàn tốt để phòng ngừa thừa cân béo phì?

- A. Ăn trái cây & rau 3 củ/ngày
- ☒ B. Uống nước ngọt
- C. Ăn uống tại nhà
- D. Dùng bữa với cha mẹ
- E. Số lượng thức ăn để trẻ tự quyết định.

4. Suy dinh dưỡng protein năng lượng là:

- A. Suy dinh dưỡng cấp
- B. Suy dinh dưỡng mạn
- ☒ C. Suy dinh dưỡng cấp nặng
- D. Suy dinh dưỡng nặng
- E. Loạn dinh dưỡng

5. Khi điều trị dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng nặng, từ vòng có thể xảy ra đột ngột vì:

- A. Nhiễm trùng huyết nặng
- B. Hạ thân nhiệt
- C. Sốc giảm thể tích
- ☒ D. Hội chứng nuôi ăn lại
- E. Suy tim.

6. Một bé gái 8 tháng có cân nặng theo tuổi 72%, chiều cao theo tuổi 87%, cân nặng theo chiều cao 82%. Đánh giá dinh dưỡng:

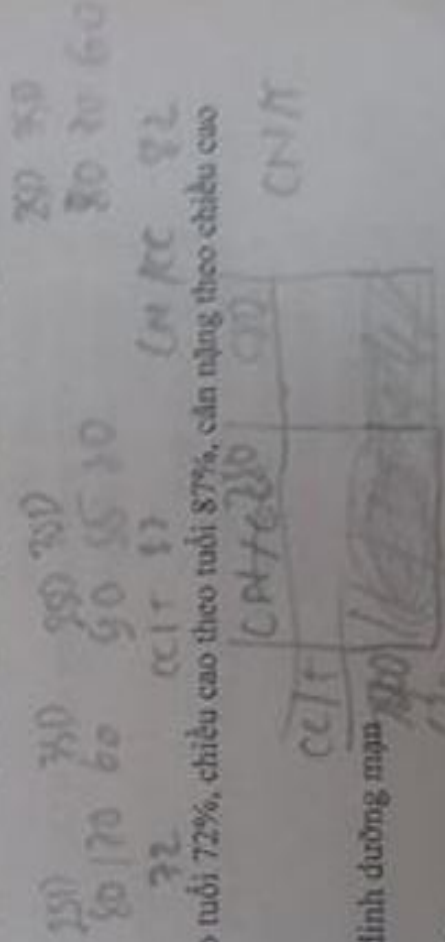
- A. Suy dinh dưỡng cấp
- ☒ B. Suy dinh dưỡng mạn
- C. Suy dinh dưỡng cấp + suy dinh dưỡng mạn
- D. Không suy dinh dưỡng
- E. Không suy dinh dưỡng nặng.

Tình huống lâm sàng cho câu 7-10.

Bệnh nhân nam, 2 tuổi, nhập viện vì sốt ngày thứ 6. Khám thấy kết mạc đỏ nhưng không đỏ gò, môi đỏ, lưỡi đỏ, không thấy hạch cổ, có hồng ban đa dạng khắp người, phù bàn tay và bàn chân, và không ghi nhận triệu chứng bất thường khác.

7. Chẩn đoán phù hợp nhất ở BN này là

- ☒ A. Bệnh Kawasaki điển hình
- B. Bệnh Kawasaki không điển hình
- C. Chưa đủ bằng chứng để chẩn đoán bệnh Kawasaki.
- D. Căn loại trừ bệnh khác
- E. Chưa đủ bằng chứng để chẩn đoán bệnh Kawasaki.



- B. CRP, tốc độ lắng máu, ECG
C. Siêu âm tim, ECG
D. ☒ Dạm máu, albumin máu
9. Kết quả xét nghiệm cho thấy CRP tăng cao (+++), Hb 9.6g/dL, BC 20.000/mm³. BN này thuộc nhóm nguy cơ tổn thương động mạch vành theo Hazada là
☒ A. Nguy cơ cao
☐ B. Nguy cơ trung bình
☐ C. Nguy cơ thấp
☐ D. Chưa đủ dữ liệu để xác định
☐ E. Không cần nào đúng
10. Dùng aspirin cho BN Kawasaki trong giai đoạn cấp. CHON CẦU ĐÚNG:
☐ A. Dùng aspirin liều cao cho đến khi có đủ bằng chứng Kawasaki mới giảm liều.
☒ B. Dùng aspirin liều cao (80 -100mg/kg/ ngày) cho đến giai đoạn bán cấp mới giảm liều (3-5mg/kg/ngày).
☐ C. Dùng aspirin liều cao (80 -100mg/kg/ ngày) và giảm liều từ từ.
☐ D. Dùng aspirin liều thấp (3-5mg/kg/ngày) ngay từ đầu để giảm tác dụng phụ.
☐ E. Chỉ dùng gamma globulin, không dùng aspirin vì không hiệu quả.
11. Một trẻ gái 12 tháng tuổi, ho nhiều kèm bú kém đến khám tại phòng khám ngoại chấn, bác sĩ cần làm gì để biết bé có viêm phổi hay không?
☐ A. Hỏi có sốt không
☐ B. Hỏi khạc đàm xanh
☒ C. Đếm nhịp thở
☐ D. Hỏi nguồn lây cảm cúm trong nhà
☐ E. Tất cả đúng
12. Một bé gái 18 tháng tuổi được chẩn đoán viêm phổi rất nặng, đã được điều trị bằng Cefotaxim chính 3 ngày, lâm sàng còn sốt cao, thở co lõm ngực nặng. Xét nghiệm nào có giá trị để tìm vi trùng gây viêm phổi ở bé này là:
☐ A. Huyết thanh chẩn đoán
☐ B. Hút dịch khí quản qua đường mũi (NTA)
☒ C. Nội soi và rửa phế quản
☐ D. Cấy máu
☐ E. Tất cả đều đúng
13. Một bé trai 8 tuổi nhập viện vì viêm phổi, tác nhân gây Viêm phổi thường gặp ở trẻ này là
☐ A. Streptococcus pneumonia
☐ B. Haemophilus Influenza
☐ C. Mycoplasma
☐ D. A và B đúng
☒ E. A và C đúng
14. Sơ sinh và nhũ nhi dễ bị xẹp phổi khi có bệnh lý hô hấp là do:
☐ A. Số lượng phế nang ít
☐ B. Kích thước phế nang nhỏ
☒ C. Thông khí bàng hệ kém
☐ D. Xương sườn nằm ngang, dẫn nở kém
☐ E. Cơ hô hấp hoạt động chưa tốt
15. Những nguyên nhân sau đây làm xuất hiện phản xạ thành quản gây ngưng thở ở trẻ sơ sinh, NGOẠI TRỪ:
☐ A. Hít sặc
☐ B. Thiếu máu
☐ C. Hạ đường huyết
☒ D. Hạ thân nhiệt
☐ E. Đang ngủ

Từ câu 16 đến câu 20, trả lời dựa vào tình huống lâm sàng sau đây:

Bé trai 3 tháng, bệnh 3 ngày. N1 – N2: sốt nhẹ; N3: ho tăng, khó khê, bỏ bú, thở một nhiều nên nhập viện. Chưa khó khê lúc nào trước đây. Gia đình không có tạng dị ứng. Khám: bẻ bứt rút, môi tái khi trời, SpO₂ 88%, mạch 148 lần/phút, nhiệt độ 37.5°C, nhịp thở 78 lần/phút, co lõm ngực nặng, phổi ran âm nhỏ tại, ran rít 2 phế trường. Bụng mềm, gan 2cm dưới bờ sườn phải.

16. Chẩn đoán phù hợp nhất là:
- A. Viêm phổi
 - B. Viêm phế quản phổi
 - ☒ C. Viêm tiểu phế quản
 - D. Viêm phế quản
 - E. Hen cơn đầu

17. Hình ảnh X quang phổi của bệnh nhi sau đây phù hợp với các chẩn đoán, NGOẠI TRỪ:



18. Hãy phân độ nặng theo Stephen Berman cho tình huống trên:
- A. Lồng ngực không cân đối
 - B. Thâm nhiễm phổi
 - C. Ứ khí phế nang
 - ☒ D. Viêm phổi kẽ
 - E. Xếp thùy trên phổi phải

19. Trong tình huống trên, bệnh nhi thỏa các tiêu chuẩn nhập viện sau đây, NGOẠI TRỪ:
- A. Không thể phân độ
 - B. Viêm tiểu phế quản nhẹ
 - C. Viêm tiểu phế quản trung bình
 - ☒ D. Viêm tiểu phế quản rất nặng
 - E. Viêm tiểu phế quản rất nặng

20. Ngoài việc cung cấp oxy qua cannula để đạt SpO₂ ≥ 94%, biện pháp nào sau đây là quan trọng nhất trong điều trị cho bệnh nhi trên?
- ☒ A. Nhịp thở ≥ 70 lần/phút
 - B. Mạch ≥ 150 lần/phút
 - C. Tím tái
 - D. Thay đổi tri giác
 - E. Xếp phổi trên X quang

20. Ngoài việc cung cấp oxy qua cannula để đạt SpO₂ ≥ 94%, biện pháp nào sau đây là quan trọng nhất trong điều trị cho bệnh nhi trên?
- A. Cung cấp đủ nước, điện giải và dinh dưỡng
 - B. Phun khí dung thuốc giãn phế quản
 - C. Phun khí dung nước muối tro trương
 - D. Kháng sinh

- * Hẹp van 2 lá, hở van 3 lá.

C. Thiele tube cap.

C. Thiele tube cap.

D. Thấp tim tái phát trên bệnh nhân đái vãng 2 là đặc trưng.

- A. Hẹp van 2 lá, bờ van 3 là hậu thấp.
B. Hẹp bờ van 2 là hậu thấp.

Hiện bởi vậy 2 là hầu thấp.

C. Thelohimidae

C. Tháp tìm cấp.

Đ. Thấp tìm tài phát trên bến nhân tập văn 2 là tập văn.

E. Thấp tim tại phổi trên bệnh nhân họ Nguyễn là một bệnh nhân.

23. Bệnh nhân bị mùa vờn do bệnh thấp, không có tổn thương khớp và tìm di kèm, sẽ được điều trị

Nitrofurantoin + thuốc bổ thận.

- A. Nghi ngoi +
B. Prednisono.

B. Prednisone.

C Aspirin.

D. A và B dùng-

E. A và C dùng.

24. Bệnh nhân thấp khớp cấp lần đầu năm 10 tuổi, lần thứ hai tái phát năm 15 tuổi, và hiện đang có cơn tái phát không điển hình lần thứ ba. Thuốc nào là phát trong bao lâu?

- A. 10 ngày
B. 3 năm.
C. 5 năm
D. Tối 40 tuổi

B. 3 nām.

C 5 nm

D. Tối 40 tuổi

F. Suốt đời

- A. Ciprofloxacin uống
B. Ciprofloxacin tĩnh mạch
C. Cefotaxim tĩnh mạch
D. Erythromycin uống
E. Amoxicillin uống

A. Cipromoxacin 150 mg

C Caxvim tinh mach

© Gethamycin uong

c. Amicilin uống

- Công thức máu
- A. CRP
- B. CRP

B. CRP

30. Điều trị cần thiết nhất cho bệnh nhân bị viêm cầu thận cấp hậu nhiễm trùng là:

B. Mổ đầu ruột non và cắt bỏ phần ruột thừa 35 tuần tuổi thai

C. Ở vò 30 giờ

D. Mẹ 38o5C giờ thứ 6 sau sinh

☒ E. Mẹ 38o5C ngày thứ 3 sau sinh

28. Một trẻ sinh mổ, 38 tuần, 2800g, APGAR 8/9. Ở vò 18 tiếng, mẹ sốt 38o5C giờ thứ 4 sau sinh, tim thai nhanh. Ngay sau sinh khám lâm sàng bình thường. Câu phát biểu nào ĐÚNG:

A. Trẻ này đã bị nhiễm trùng sơ sinh

B. Trẻ này không bị nhiễm trùng sơ sinh

C. Khám trẻ thường xuyên, khi nào có bất thường thì cho kháng sinh

☒ D. Cho kháng sinh ngay, theo dõi lâm sàng và xét nghiệm để xác định hoặc loại trừ nhiễm trùng

E. Cho kháng sinh ngay, nếu kết quả cấy máu (-) thì ngưng kháng sinh.

29. Trong hội chứng thận hư, trẻ dễ bị nhiễm trùng là do:

A. Mất yếu tố α properdin

B. Giảm albumin máu

C. Tăng hoạt tính của vi khuẩn

☒ D. Mất globulin miễn dịch

E. Tất cả đều đúng

30. Điều trị cần thiết nhất cho bệnh nhân bị viêm cầu thận cấp hậu nhiễm trùng là:

A. Giảm phù

☒ B. Kiểm soát huyết áp

C. Penicillin diệt liên cầu

D. Prednisone

E. Lọc thận

31. Định nghĩa trường hợp HCTH lui bệnh hoàn toàn (complete remission):

A. Bệnh nhi hết phù và protein niệu trên dipstick $< 1+$ trong 3 ngày liên tiếp

B. Bệnh nhi còn phù rất nhẹ và đạm niệu/creatinin niệu $> 2\text{mg/mg}$

C. Bệnh nhi hết phù và đạm niệu/creatinin niệu > 2 (mg/mg) 3 ngày liên tiếp

D. Bệnh nhi hết phù và que thử nước tiểu chuyển sang màu xanh 3 ngày liên tiếp

☒ E. Tất cả đều sai.

32. Bệnh nhi nam 14 tháng tuổi, cân nặng 8kg, nhập viện vì phù toàn thân phát hiện 2 tuần nay. Em

phù mềm, trắng, ấn lõm, không đau. Bệnh nhân có HA: 90/60 mmHg, creatinin máu 0,4 mg/dl,

Albumin máu: 1,85 g/dl, protein máu toàn phần: 3,1 g/dl, tổng phân tích nước tiểu: protein: âm tính,

Ery: âm tính. Chẩn đoán nào dưới đây là phù hợp nhất:

A. Viêm cầu thận cấp hậu nhiễm liên cầu trùng

B. Nhiễm trùng tiểu

C. Hội chứng thận hư

D. Viêm cầu thận tiến triển nhanh

☒ E. Phù do suy dinh dưỡng

33. Bệnh nhi nam 6 tuổi, được chẩn đoán hội chứng thận hư 3 tuần nay, đang uống Prednisone 2

mg/kg/ngày. 2 ngày nay em sốt 38,5°C, thân đau bụng quanh rốn, tiểu lỏng 1 lần. Xét nghiệm máu:

BC máu 19500/mm³, Neutrophil: 90 %, CRP: 180 mg/l, siêu âm bụng: có dịch ổ bụng lượng vừa, dạng

dịch không thuần nhất. Nguyên nhân đau bụng của bé này nghĩ nhiều nhất là:

A. Tiêu chảy nhiễm trùng

B. Viêm ruột

C. Viêm dạ dày do corticoide

☒ D. Viêm phúc mạc nguyên phát

E. Tắc mạch mạc treo

D. Đặt sonde tiểu và bơm vào với tốc độ chậm

☒ E. Không cầu nào là đúng

35. Lượng sữa mẹ nên cho trẻ > 6 tháng tuổi bị tiêu chảy cấp:

A. 10mg/kg

☒ B. 20mg/kg

C. 30mg/kg

D. 40mg/kg

E. 70mg/kg

36. Bé Hoàng 12 tháng tuổi, được đưa đi khám vì tiêu phân lỏng 6-7 lần mỗi ngày trong 2 ngày qua.

Khám thấy bé tỉnh táo, nhìn đôi theo đồ vật xung quanh. Bé có mắt trũng và được mẹ xác nhận.

Hoàng uống nước khát, háo hức và có dấu vết da mất弹性. Phân loại mất nước của bé Hoàng:

☒ A. Không mất nước

B. Có mất nước

C. Mất nước nhẹ

D. Mất nước vừa

E. Mất nước nặng

37. Dấu hiệu nào cần tìm trên bệnh nhân nôn cấp tính:

A. Thở nhanh

B. Xanh tím

☒ C. Mất nước

D. Suy dinh dưỡng

E. Tăng áp lực nội sọ

38. Nôn xảy ra thường vào sáng sớm được nghỉ nhiều đêm:

☒ A. Bệnh lý dạ dày - tá tràng

B. Do mất ngủ

☒ C. Tăng áp lực nội sọ

D. Dạ dày thức ăn

E. Bệnh chuyển hóa

39. Điều trị thiếu máu thiếu sắt nên:

A. Uống thuốc sắt lúc no.

B. Uống chung với sữa.

☒ C. Chia thuốc sắt làm nhiều lần.

D. Dùng sắt chất ưu tiên hơn uống.

E. Nên truyền máu sớm để nhanh hồi phục.

40. Phòng ngừa thiếu máu thiếu sắt, CHỌN CÂU SAI:

☒ A. Bú mẹ ít nhất đến 6 tháng.

☒ B. Nên bổ thêm sữa bình vì sữa mẹ ít chất sắt hơn.

C. Bổ sung sắt cho trẻ sinh non.

D. Có thể ăn dặm sớm từ tháng thứ 4.

E. Bổ sung sắt ở phụ nữ mang thai.

41. Lâm sàng thiếu máu thiếu sắt, CHỌN CÂU SAI:

☒ A. Diễn tiến từ từ, tùy theo mức độ thiếu máu.

B. Da xanh xao, niêm mạc.

C. Tóc khô, dễ gãy, rụng.

☒ D. Gan lách thường to.

E. Móng dẹt, lõm, mất bóng.

42. Xét nghiệm trung thiếu máu thiếu sắt toàn phần:

A. Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin giảm.

B. Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin tăng.

☒ C. Sắt giảm, Ferritin giảm, Transferrin tăng, độ bão hòa Transferrin giảm.

D. Sắt giảm, Ferritin tăng, Transferrin tăng, độ bão hòa Transferrin giảm.

E. Sắt giảm, Ferritin tăng, Transferrin giảm, độ bão hòa Transferrin giảm.